



TON DONG A

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2023

THÁNG 01 NĂM 2024





TÔN ĐÔNG Á

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm 31/12/2023	Số đầu năm 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.672.619.439.520	7.410.177.790.095
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.193.754.292.296	829.814.067.681
Tiền	111		1.193.754.292.296	814.814.067.681
Các khoản tương đương tiền	112		-	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	2.156.059.870.662	1.162.000.058.794
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.156.059.870.662	1.162.000.058.794
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.986.589.183.855	1.964.647.427.052
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.937.673.747.925	1.070.004.881.901
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	28.828.779.456	7.958.820.479
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	-	835.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	45.485.169.483	102.521.170.237
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.3	(25.398.513.009)	(50.837.445.565)
IV. Hàng tồn kho	140		3.126.864.283.047	3.290.690.692.843
Hàng tồn kho	141	V.7	3.210.818.986.540	3.348.787.967.494
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.7	(83.954.703.493)	(58.097.274.651)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		209.351.809.660	163.025.543.725
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	24.858.145.106	20.150.911.938
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.15	184.159.677.855	142.097.852.823
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	333.986.699	776.778.964



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm 31/12/2023	Số đầu năm 01/01/2023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.869.536.130.930	2.895.371.944.017
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.068.759.000	6.372.076.839
Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	6.435.000	6.435.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	10.062.324.000	6.365.641.839
II. Tài sản cố định	220		2.246.802.305.430	2.541.112.283.063
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.040.269.418.990	2.358.723.131.132
- Nguyên giá	222		4.564.629.094.001	4.568.517.430.737
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(2.524.359.675.011)	(2.209.794.299.605)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	84.924.011.674	60.887.311.423
- Nguyên giá	225		103.857.802.366	72.177.201.086
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(18.933.790.692)	(11.289.889.663)
Tài sản cố định vô hình	227	V.11	121.608.874.766	121.501.840.508
- Nguyên giá	228		138.275.724.227	136.987.144.227
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(16.666.849.461)	(15.485.303.719)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	24.367.296.065	3.175.888.322
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		24.367.296.065	3.175.888.322
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	270.640.000.000	30.640.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		270.640.000.000	30.640.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		317.657.770.435	314.071.695.793
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	289.794.745.038	292.424.812.499
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		21.836.368.434	21.646.883.294
Lợi thế thương mại	269	V.13	6.026.656.963	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.542.155.570.450	10.305.549.734.112



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm 31/12/2023	Số đầu năm 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.922.734.362.976	6.857.008.081.757
I. Nợ ngắn hạn	310		7.878.996.823.105	6.766.306.891.008
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	1.327.879.469.932	1.263.889.355.033
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	65.083.404.510	47.556.986.156
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	32.396.652.380	78.471.005.736
Phải trả người lao động	314		34.724.227.615	19.914.763.583
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		52.132.132.003	22.009.509.868
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	528.635.105.394	12.141.249.931
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	5.804.027.377.038	5.265.965.935.896
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		34.118.454.233	56.358.084.805
II. Nợ dài hạn	330		43.737.539.871	90.701.190.749
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	43.737.539.871	35.015.526.787
Trái phiếu chuyển đổi	339	V.19	-	55.685.663.962
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.619.421.207.474	3.448.541.652.355
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	3.619.421.207.474	3.448.541.652.355
Vốn cổ phần	411		1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		834.436.453.483	834.436.453.483
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		1.931.977.742	1.931.977.742
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.430.602.730	3.430.602.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.630.427.759.468	1.461.827.518.400
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421A		1.346.823.566.397	1.738.335.705.755
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421B		283.604.193.071	(276.508.187.355)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.279.314.051	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.542.155.570.450	10.305.549.734.112

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lê Xuân

Bình Dương, Ngày 29 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B02 – DN/HN
(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	4.630.721.661.676	4.358.502.638.165	17.462.680.329.247	21.680.827.982.408
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	10.091.296.315	25.801.926.730	28.102.508.698	66.343.360.473
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	4.620.630.365.361	4.332.700.711.435	17.434.577.820.549	21.614.484.621.935
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	4.312.095.319.325	4.411.937.172.114	16.305.438.743.136	20.433.359.245.487
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		308.535.046.036	(79.236.460.679)	1.129.139.077.413	1.181.125.376.448
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	58.926.622.872	116.206.608.246	378.446.661.785	407.098.695.485
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	84.113.565.200	226.864.571.051	371.286.174.582	503.513.665.109
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		56.681.527.281	85.419.124.625	296.649.131.094	248.577.099.938
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	224.465.877.834	232.915.671.666	764.270.241.235	1.244.957.678.383
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	33.102.570.468	34.557.776.911	63.054.143.673	140.664.765.144
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		25.779.655.406	(457.367.872.061)	308.975.179.708	(300.912.036.703)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.617.903.279	284.332.316	6.851.882.090	9.199.536.566
12. Chi phí khác	32	VI.6	3.485.185.991	(1.324.644.852)	9.915.692.482	852.683.796
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.867.282.712)	1.608.977.168	(3.063.810.392)	8.346.852.770
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.912.372.694	(455.758.894.893)	305.911.369.316	(292.565.183.933)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	11.210.946.895	(28.917.004.917)	22.497.489.379	710.107.217
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	(6.984.510.168)	(26.685.615.357)	(189.485.140)	(16.767.103.795)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		19.685.935.967	(400.156.274.619)	283.603.365.077	(276.508.187.355)
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		19.686.763.961	(400.156.274.619)	283.604.193.071	(276.508.187.355)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(827.994)	-	(827.994)	-

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lê Xuân

Bình Dương, Ngày 29 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

NĂM 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	NĂM 2023	NĂM 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1	305.911.369.316	(292.565.183.933)
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2	345.072.746.571	344.492.862.316
Trích lập dự phòng	3	418.496.286	97.465.679.918
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(1.689.630.715)	(1.718.306.450)
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(215.171.519.399)	(209.231.304.196)
Chi phí lãi vay	6	296.649.131.094	248.577.099.938
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	731.190.593.153	187.020.847.593
Tăng (giảm) các khoản phải thu	9	(871.334.052.489)	1.364.375.952.670
Giảm hàng tồn kho	10	137.968.980.954	1.086.011.987.782
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	592.400.957.494	(3.392.627.656.660)
Tăng (giảm) chi phí trả trước	12	(2.049.439.697)	27.557.881.393
Tiền lãi vay đã trả	14	(309.037.265.958)	(241.819.070.626)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.777.705.082)	(68.218.775.287)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(23.826.872.565)	(66.305.962.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	252.535.195.810	(1.104.004.795.310)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(65.989.879.901)	(52.907.289.978)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ")	22	8.529.090.909	1.851.851.853
Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23	(9.655.914.504.385)	(6.765.658.663.508)
Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay	24	9.256.854.692.517	6.566.047.177.524
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(28.438.198.697)	-
Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	27	217.832.223.026	182.842.535.800
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	30	(267.126.576.531)	(67.824.388.309)



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
NĂM 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	NĂM 2023	NĂM 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	494.747.240.000
Tiền thu từ đi vay	33	16.091.918.688.190	17.932.360.068.381
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(15.569.835.932.860)	(16.832.954.009.379)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(30.260.987.899)	(19.522.000.072)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(112.921.589.650)	(114.390.510.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	378.900.177.781	1.460.240.788.930
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	364.308.797.060	288.411.605.311
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	829.814.067.681	544.359.213.855
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(368.572.445)	(2.956.751.485)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.193.754.292.296	829.814.067.681

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Bình Dương, Ngày 29 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất sắt, thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, gang, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán sắt, thép, hàng mộc gia dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp; thi công hệ thống điện, nước công trình; vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.**4. Mô hình hoạt động:**

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 18 - 20 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và tại Tầng 2, Lô 201-203, Đường Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 1.458 người (ngày 1 tháng 1 năm 2023: 1.465 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có năm (5) công ty con. Chi tiết như sau:

Danh sách công ty con	Tỷ sở hữu(%)	Tỷ lệ biểu quyết(%)
1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu Công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Long An, Việt Nam	100	100
2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng Địa Chỉ: Lô E2, Đường số 7, KCN Hòa Khánh, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100	100
3. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100	100
4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	100	100
5. Công Ty TNHH TM Đầu Tư và Xây Dựng Tổng Hợp SBC Miền Trung Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Phường Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	95	95



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**QUÝ IV NĂM 2023****II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế Toán**

Kỳ kế toán của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023**

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được ghi nhận được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – D/N/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023****7. Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Nhóm Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

11. Các khoản đầu tư**Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023**12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023*****Quỹ đầu tư phát triển***

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

16. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

18. Thuế***Thuế thu nhập hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) QUÝ IV NĂM 2023

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tại chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - D/N/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	388.543.840	1.906.925.613
Tiền gửi ngân hàng	1.193.365.748.456	812.907.142.068
Các khoản tương đương tiền	-	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	1.193.754.292.296	829.814.067.681

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	661.600.000.000	338.000.000.000
Trái phiếu	1.494.459.870.662	824.000.058.794
CỘNG	2.156.059.870.662	1.162.000.058.794
Dài hạn		
Trái phiếu	270.640.000.000	30.640.000.000
CỘNG	270.640.000.000	30.640.000.000
TỔNG CỘNG	2.426.699.870.662	1.192.640.058.794

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khách hàng khác	1.937.673.747.925	1.070.004.881.901
TỔNG CỘNG	1.937.673.747.925	1.070.004.881.901
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(25.398.513.009)	(50.837.445.565)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.912.275.234.916	1.019.167.436.336

Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - D/N/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023****4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
NGẮN HẠN		
Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Minh Phát	10.070.882.386	957.487.832
Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Quảng Cáo Á Đông	8.072.170.518	985.017.925
Chongqing H&J Technology Co.,Ltd.	-	1.884.259.500
Nhà cung cấp khác	10.685.726.552	4.132.055.222
CỘNG	28.828.779.456	7.958.820.479
DÀI HẠN		
Nhà cung cấp khác	6.435.000	6.435.000
CỘNG	6.435.000	6.435.000
TỔNG CỘNG	28.835.214.456	7.965.255.479

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Lãi dự thu	30.669.680.176	27.113.407.579
Ký quỹ, ký cược	2.581.751.839	63.964.115.332
Phải thu chi hộ	6.731.292.198	6.733.062.844
Khác	5.502.445.270	4.710.584.482
CỘNG	45.485.169.483	102.521.170.237
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	10.062.324.000	6.365.641.839
CỘNG	10.062.324.000	6.365.641.839
TỔNG CỘNG	55.547.493.483	108.886.812.076



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - D/N/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023****6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Mua Bán Nợ Và Quản Lý Tài Sản Việt Nam(*)	-	435.000.000.000
Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Đầu Tư Trường Giang	-	200.000.000.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Vinatex - Tân Tạo	-	200.000.000.000
Khác	-	-
TỔNG CỘNG	-	835.000.000.000

(*) Công ty Cổ Phần Mua Bán Nợ Và Quản Lý Tài Sản Việt Nam mở bảo lãnh thanh toán tại Ngân Hàng TMCP Tiên Phong

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thành phẩm	1.983.952.991.743	2.318.476.613.762
Nguyên liệu, vật liệu	922.148.512.429	737.144.529.551
Hàng đang đi trên đường	253.382.518.038	243.179.518.858
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.777.107.322	46.092.953.073
Công cụ, dụng cụ	3.044.918.525	2.839.352.303
Hàng hoá	1.512.938.483	1.054.999.947
TỔNG CỘNG	3.210.818.986.540	3.348.787.967.494
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(83.954.703.493)	(58.097.274.651)
Giá trị thuần	3.126.864.283.047	3.290.690.692.843

Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm 2023	năm 2022
	VND	VND
Số đầu năm	58.097.274.651	7.783.034.076
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	85.360.672.159	58.097.274.651
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(59.503.243.317)	(7.783.034.076)
Số cuối năm	83.954.703.493	58.097.274.651



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	24.858.145.106	20.150.911.938
Công cụ, dụng cụ đang dùng	16.255.283.885	12.150.751.421
Chi phí quảng cáo	-	247.511.721
Khác	8.602.861.221	7.752.648.796
Dài hạn	289.794.745.038	292.424.812.499
Tiền thuê đất trả trước (*)	199.991.469.097	206.419.284.385
Công cụ, dụng cụ đang dùng	68.156.302.565	51.550.283.958
Chi phí quảng cáo	9.471.135.283	21.121.155.245
Khác	12.175.838.093	13.334.088.911
TỔNG CỘNG	314.652.890.144	312.575.724.437

(*) Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	800.265.710.241	3.526.868.326.419	223.885.179.285	17.114.886.979	383.327.813	4.568.517.430.737
Đầu tư xây dựng cơ bản	11.213.175.230	6.154.820.697	1.502.498.500	-	-	18.870.494.427
Mua trong năm	101.356.371	23.847.802.849	2.391.300.182	356.058.374	-	26.696.517.776
Phân loại từ tài sản cố định thuê tài chính	-	-	12.830.363.636	-	-	12.830.363.636
Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ	-	(46.158.695.942)	(16.127.016.633)	-	-	(62.285.712.575)
Tại ngày 31/12/2023	811.580.241.842	3.510.712.254.023	224.482.324.970	17.470.945.353	383.327.813	4.564.629.094.001
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	23.298.626.361	332.605.242.423	17.548.294.633	13.022.985.279	-	386.475.148.696
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	211.508.577.004	1.857.884.110.132	125.236.230.053	14.987.081.381	178.301.035	2.209.794.299.605
Khấu hao trong năm	37.702.732.928	269.640.366.657	24.106.346.126	712.321.864	41.977.199	332.203.744.774
Phân loại từ tài sản cố định thuê tài chính	-	-	4.266.216.899	-	-	4.266.216.899
Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ	-	(15.311.632.088)	(6.592.954.179)	-	-	(21.904.586.267)
Tại ngày 31/12/2023	249.211.309.932	2.112.212.844.701	147.015.838.899	15.699.403.245	220.278.234	2.524.359.675.011
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	588.757.133.237	1.668.984.216.287	98.648.949.232	2.127.805.598	205.026.778	2.358.723.131.132
Tại ngày 31/12/2023	562.368.931.910	1.398.499.409.322	77.466.486.071	1.771.542.108	163.049.579	2.040.269.418.990



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023****10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	-	72.177.201.086	72.177.201.086
Thuê trong năm	26.241.620.302	18.269.344.614	44.510.964.916
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(12.830.363.636)	(12.830.363.636)
Tại ngày 31/12/2023	26.241.620.302	77.616.182.064	103.857.802.366
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	-	11.289.889.663	11.289.889.663
Khấu hao trong năm	1.148.026.725	10.762.091.203	11.910.117.928
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(4.266.216.899)	(4.266.216.899)
Tại ngày 31/12/2023	1.148.026.725	17.785.763.967	18.933.790.692
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	-	60.887.311.423	60.887.311.423
Tại ngày 31/12/2023	25.093.593.577	59.830.418.097	84.924.011.674

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	117.526.300.000	19.460.844.227	136.987.144.227
Mua mới	-	1.288.580.000	1.288.580.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	117.526.300.000	20.749.424.227	138.275.724.227
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	12.058.711.727	12.058.711.727
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	-	15.485.303.719	15.485.303.719
Hao mòn trong năm	-	1.181.545.742	1.181.545.742
Tại ngày 31/12/2023	-	16.666.849.461	16.666.849.461
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	117.526.300.000	3.975.540.508	121.501.840.508
Tại ngày 31/12/2023	117.526.300.000	4.082.574.766	121.608.874.766



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023****12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Mua sắm tài sản	-	2.484.716.322
Khác	24.367.296.065	691.172.000
TỔNG CỘNG	24.367.296.065	3.175.888.322

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xây dựng Tổng hợp SBC Miền Trung	6.026.656.963	-
TỔNG CỘNG	6.026.656.963	-

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công Ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	674.882.836.778	545.984.536.256
Công ty TNHH Posco - Việt Nam	45.888.133.814	127.838.358.943
Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	112.203.718.758	153.495.036.312
Công Ty Cổ Phần Thép Hòa Phát Dung Quất	153.041.178.642	-
Phải trả cho người bán khác	341.863.601.940	436.571.423.522
TỔNG CỘNG	1.327.879.469.932	1.263.889.355.033

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Able Sheet Metal, INC	6.957.526.383	1.115.695.890
Gramperfil S.A	23.778.855.650	-
Mareso Pte Ltd	6.971.615.930	-
PT.Kepuh Kencana Arum	5.724.622.436	5.726.426.680
PT.Great Fortune	8.266.381.263	20.517.893.693
Người mua trả tiền trước khác	13.384.402.848	20.196.969.893
TỔNG CỘNG	65.083.404.510	47.556.986.156



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**QUÝ IV NĂM 2023****16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số dư tại ngày 01/01/2023	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số dư tại ngày 31/12/2023
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	767.717.530	19.986.840	453.717.701	333.986.669
Thuế giá trị gia tăng	142.097.852.823	1.775.150.619.050	1.733.088.794.018	184.159.677.855
Thuế Thu nhập cá nhân	2.041.434	30	2.041.434	30
Khác	7.020.000	-	7.020.000	-
TỔNG CỘNG	142.874.631.787	1.775.170.605.920	1.733.551.573.153	184.493.664.554
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	199.185.375	22.043.771.678	2.777.705.082	19.465.251.971
Thuế giá trị gia tăng	77.626.507.995	1.639.677.925.002	1.709.796.269.068	7.508.163.929
Thuế thu nhập cá nhân	645.312.366	13.467.694.429	8.746.573.629	5.366.433.166
Thuế bảo vệ môi trường	-	292.670.000	260.270.000	32.400.000
Thuế nhập khẩu	-	622.158.502	597.755.188	24.403.314
Khác	-	117.027.644	117.027.644	-
TỔNG CỘNG	78.471.005.736	1.676.221.247.255	1.722.295.600.611	32.396.652.380

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
UPAS L/C (*)	524.591.263.848	-
Quảng cáo	145.454.546	295.528.518
Khác	3.898.387.000	11.845.721.413
CỘNG	528.635.105.394	12.141.249.931

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi các ngân hàng thương mại cổ phần.



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023****18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	5.725.217.239.285	5.228.447.961.048
Vay dài hạn đến hạn trả của bên liên quan	-	23.600.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	23.124.473.791	13.917.974.848
Trái phiếu chuyển đổi (<i>Thuyết minh số 19</i>)	55.685.663.962	-
CỘNG	5.804.027.377.038	5.265.965.935.896
Vay dài hạn		
Nợ thuê tài chính	43.737.539.871	35.015.526.787
CỘNG	43.737.539.871	35.015.526.787
TỔNG CỘNG	5.847.764.916.909	5.300.981.462.683

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.804.027.377.038	81.810.692	5.265.965.935.896	57.957.455
Vay ngắn hạn ngân hàng - VND	3.735.879.352.837		3.864.386.780.253	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Sài Gòn - TP.HCM	1.944.663.968.127		2.026.189.711.584	
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	814.370.985.444		749.735.776.086	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	179.258.584.218		245.605.716.104	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	441.231.943.214		842.855.576.479	
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	253.760.555.103		-	
Ngân hàng United Overseas - CN HCM	102.593.316.731		-	
Vay ngắn hạn ngân hàng - USD	1.989.337.886.448	81.810.692	1.364.061.180.795	57.957.455
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Sài Gòn - TP.HCM	103.310.714.136	4.229.712	337.071.442.198	14.186.509
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	1.331.684.711.515	54.880.633	955.468.791.000	40.757.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	554.342.460.797	22.700.346	71.520.947.597	3.013.946
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả và ngắn hạn	-		23.600.000.000	
trái phiếu	55.685.663.962		-	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	23.124.473.791		13.917.974.848	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	13.934.007.491		13.418.974.840	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	7.557.582.984		-	
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	1.217.050.008		-	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	415.833.308		499.000.008	
Nợ thuê tài chính dài hạn	43.737.539.871		35.015.526.787	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	26.962.040.517		34.599.693.479	
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	3.549.729.158		-	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	13.225.770.196		-	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	-		415.833.308	
TỔNG	5.847.764.916.909	81.810.692	5.300.981.462.683	57.957.455

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng và công ty thuê tài chính bằng VND là từ 3,8%/năm đến 9,3%/năm và bằng USD là từ 3,6%/năm đến 5,4%/năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trái phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023****19. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

	Thời điểm phát hành (năm)	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá (VND)	Lãi suất danh nghĩa (%/năm)	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Cấu phần vốn (VND)	Cấu phần nợ (VND)
Ngày 1 tháng 1 năm 2023 và Ngày 31 tháng 12 năm 2023	2014	3 năm	559.067	100.000	5	6,3	1.931.977.742	55.685.663.962

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Nhóm Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu (“HĐĐMTP”) với Công ty TNHH Posco Việt Nam (“Posco”), một công ty con của POSCO và được thành lập tại Việt Nam. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2022, Nhóm Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất – Phụ lục số 8 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2024.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU.**20.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND							
Năm 2022							
Tại ngày 01/01/2022	1.023.228.290.000	464.371.374.500	1.931.977.742	3.430.602.730	1.958.956.116.367		3.451.918.361.339
Phát hành cổ phiếu	123.686.810.000	370.065.078.983	-	-	-		493.751.888.983
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(276.508.187.355)		(276.508.187.355)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(114.691.510.000)		(114.691.510.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(100.501.960.918)		(100.501.960.918)
Khác	-	-	-	-	(5.426.939.694)		(5.426.939.694)
Tại ngày 31/12/2022	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.461.827.518.400		3.448.541.652.355
Năm 2023							
Tại ngày 01/01/2023	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.461.827.518.400	-	3.448.541.652.355
Đầu tư vào công ty con						2.280.142.045	2.280.142.045
Cổ tức công bố					(114.691.510.000)		(114.691.510.000)
Lợi nhuận thuần trong năm					283.604.193.061	(827.994)	283.603.365.067
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(312.441.993)		(312.441.993)
Tại ngày 31/12/2023	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.630.427.759.468	2.279.314.051	3.619.421.207.474



TON DONG A

TÔN KỀM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023****20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****20.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	1.146.915.100.000	1.023.228.290.000
Tăng trong năm	-	123.686.810.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>1.146.915.100.000</u>	<u>1.146.915.100.000</u>

20.3 Cổ phiếu

	31/12/2023 VND Số cổ phiếu	01/01/2023 VND Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	114.691.510	114.691.510
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	114.691.510	114.691.510
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ phiếu đang lưu hành	114.691.510	114.691.510
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. DOANH THU****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.462.680.329.247	21.680.827.982.408
Các khoản giảm trừ doanh thu	28.102.508.698	66.343.360.473
Doanh thu thuần	17.434.577.820.549	21.614.484.621.935

1.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	217.855.527.314	208.753.922.093
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	160.591.134.471	198.344.773.392
TỔNG CỘNG	378.446.661.785	407.098.695.485

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	16.279.581.314.294	20.383.045.004.911
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) hàng tồn kho	25.857.428.842	50.314.240.576
TỔNG CỘNG	16.305.438.743.136	20.433.359.245.487

3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	296.649.131.094	248.577.099.938
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	74.637.043.488	254.936.565.171
TỔNG CỘNG	371.286.174.582	503.513.665.109



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023****4. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và giao hàng	524.385.014.704	1.029.219.297.552
Chi phí lương nhân viên	54.684.331.111	51.687.061.284
Chi phí quảng cáo	71.579.494.444	76.089.971.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.625.216.326	79.880.312.832
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.996.184.650	8.081.035.420
TỔNG CỘNG	764.270.241.235	1.244.957.678.383

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.241.431.512	32.505.290.134
Chi phí nhân viên	49.255.970.125	50.343.177.552
Chi phí khấu hao và hao mòn	8.580.458.964	10.664.858.115
Hoàn nhập dự phòng (Chi phí dự phòng) nợ phải thu khó đòi	(25.023.716.928)	47.151.439.343
TỔNG CỘNG	63.054.143.673	140.664.765.144

6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập khác	6.851.882.090	9.199.536.566
Thu nhập từ bán phế liệu	5.096.165.402	6.703.113.978
Thanh lý tài sản cố định	450.000.000	137.630.972
Khác	1.305.716.688	2.358.791.616
Chi phí khác	9.915.692.482	852.683.796
Tiền bồi thường	-	248.841.109
Tiền phạt thuế	835.538	152.853.684
Thanh lý tài sản cố định	6.357.957.370	-
Khác	3.556.899.574	450.989.003
Lợi nhuận khác	(3.063.810.392)	8.346.852.770



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023****7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.497.489.379	710.107.217
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(189.485.140)	(16.767.103.795)
Chi phí thuế TNDN	22.308.004.239	(16.056.996.578)

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm này và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Chi trả nợ gốc vay	-	349.276.000.000
		Vay	-	97.480.000.000
		Lãi vay	-	4.466.028.959
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Chi trả nợ gốc vay	23.600.000.000	-
		Lãi vay	545.578.082	1.651.999.998

Vào ngày kết thúc năm kế toán . Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Vay ngắn hạn				
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Vay dài hạn đến hạn trả	-	23.600.000.000
TỔNG CỘNG			-	23.600.000.000



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2023****VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND Thu nhập (*)	
		Năm 2023	Năm 2022
Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	2.319.757.058	7.524.951.589
Ông Hồ Song Ngọc	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	2.439.040.946	3.011.421.362
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	1.929.511.028	2.466.960.258
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	1.932.304.970	2.449.928.673
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	1.864.629.982	2.291.877.447
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	52.800.000	142.800.000
Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên HĐQT	50.000.000	100.000.000
Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên HĐQT	50.000.000	100.000.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	32.000.000	112.000.000
TỔNG CỘNG		10.670.043.984	18.199.939.329

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

	Năm 2023	Năm 2022
Thu nhập của Ban kiểm soát		
Bà Lê Thị Khoa Nguyên (miễn nhiệm ngày 23/06/2023)	20.000.000	50.000.000
Bà Lâm Duy Thùy Linh (miễn nhiệm ngày 23/06/2023)	10.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà (miễn nhiệm ngày 23/06/2023)	5.000.000	5.000.000
Ông Nguyễn Năng Tín (bỏ nhiệm ngày 23/06/2023)	30.000.000	30.000.000
Bà Đình Thị Thảo Ly (bỏ nhiệm ngày 23/06/2023)	10.000.000	
Ông Hoàng Duy Nhất (bỏ nhiệm ngày 23/06/2023)	10.000.000	
TỔNG CỘNG	85.000.000	115.000.000

Bình Dương, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Người lập
(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc